

Số: /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kế hoạch đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách
địa phương và các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kế hoạch đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân huyện về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn
ngân sách địa phương và các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 70/TTr-TCKH ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Phòng Tài
chính - Kế hoạch.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 như sau:

1. Nguồn vốn tiền sử dụng đất.

1.1. Kế hoạch đầu tư công năm 2023, theo Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện: Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 95.600,0 triệu đồng, cơ cấu như sau:

- Trích nộp 10% về tỉnh: 9.200,0 triệu đồng.

- Chi bồi thường giải phóng mặt bằng: 3.709,0 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 61.091,0 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất do cấp xã đầu tư: 21.600,0 triệu đồng

1.2. Nội dung điều chỉnh: Giảm dự toán thu tiền sử dụng đất từ 95.600,0 triệu đồng xuống 54.900,0 triệu đồng (giảm 40.700,0 triệu đồng). Lý do điều chỉnh: Dự kiến số thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán theo kế hoạch.

1.3. Kế hoạch đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh: Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 54.900,0 triệu đồng, cơ cấu như sau:

- Trích nộp 10% về tỉnh: 5.130, 0 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 39.618,0 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất do cấp xã đầu tư: 10.152,0 triệu đồng.

2. Nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư.

Bổ sung số tiền 557,532 triệu đồng, từ nguồn kết dư vốn tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư năm 2022 vào kế hoạch vốn năm 2023 và phân bổ như sau:

- Bố trí vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 450,0 triệu đồng.
- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án năm 2024, số tiền 107,532 triệu đồng.

Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, từng xã sau điều chỉnh có biểu số 1, biểu số 2 và biểu số 3 kèm theo.

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2023 được giao, theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác: Không thay đổi, thực hiện theo Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Đội trưởng Đội Công trình giao thông và Dịch vụ Đô thị, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện).

Nguồn vốn tiền sử dụng đất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư năm 2023	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
	TỔNG CỘNG					132.165,0	164.945,0	95.600,0	41.600,0	900,0	54.900,0		
I	Trích nộp 10% ngân sách tỉnh					9.200,0		9.200,0	4.070,0		5.130,0		
II	Tiền sử dụng đất huyện thực hiện					101.365,0	92.945,0	64.800,0	26.082,0	900,0	39.618,0		
1.1	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,0	2.500,0	700,0	700,0		0,0	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
1.2	Thống kê đất đai hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,0	670,0	223,0			223,0	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
1.3	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2023-2025	Huyện Đức Cơ	80/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 132/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2844/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	1.500,0	1.500,0	500,0			500,0	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
1.4	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2025	Huyện Đức Cơ	1391/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 2887/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 2982,2983,2984/ QĐ-UBND ngày 21/12/2022	9.000,0	9.000,0	2.839,0			2.839,0	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
1.5	Sửa chữa đường giao thông thôn MooK Trêl, Mook Đen xã Ia Dom	xã Ia Dom	Năm 2023	Chiều dài tuyến, L= 3,093 km; Sửa chữa vá ổ gà mặt đường, đắp lề	66/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2678/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.400,0	1.350,0	1.350,0			1.350,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.6	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023-2024	Chiều dài L=1,1km. Bn=15,2m; Bm=14,0m; Mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè, hệ thống thoát nước	138/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	23.000,0	20.300,0	21.500,0	20.000,0		1.500,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư năm 2023	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
1.7	Huyện ủy Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Tháo dỡ nhà cũ, cải tạo sân, S=409,0 m ² ; cải tạo khuôn viên, tường chắn đất, lát đá BaZan, S=3,426,0 m ²	136/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2739/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.680,0	4.300,0	4.300,0			4.300,0	Văn phòng Huyện ủy	
1.8	Trường THCS Lý Tự Trọng	xã Ia Kla	Năm 2023	Nhà học 02 tầng, 07 phòng học bộ môn, 01 phòng thư viện và các hạng mục phụ, thiết bị	141/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2686/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	9.900,0	9.500,0	9.500,0	320,0		9.180,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.9	Chỉnh trang đường Trường Chinh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023-2024	Chiều dài, L=1,467 km, đơn rãnh, bó vỉa, hệ thống nước tận dụng và đầu tư mới, vỉa hè, tường chắn	137/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2681/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	11.700,0	11.000,0	11.000,0	2.990,0		8.010,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.10	Mở rộng hệ thống nước cấp nước thị trấn Chư Ty;	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Mở rộng hệ thống nước cấp II với, L=11,485 km	140/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2679/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	3.500,0	3.300,0	3.300,0			3.300,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.11	Nghĩa địa chung huyện Đức Cơ	xã Ia Kriêng	Năm 2023-2024	Giải phóng mặt bằng, S=3,15 ha; San lấp mặt bằng, đường nội bộ, hệ thống thoát nước	139/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2886/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.443,0	2.400,0	1.200,0	300,0		900,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.12	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa Hạ tầng giao thông và Kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2023	Huyện Đức Cơ	280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	15.000,0	15.000,0	3.200,0	0,0	0,0	3.200,0	Các xã, thị trấn	
1.13	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,0	4.533,0	792,0			792,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Thanh toán khối lượng công trình đã hoàn thành
1.14	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kèm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,0	2.290,0	287,0	33,0		254,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	nt

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư năm 2023	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
1.15	Hệ thống cung cấp điện khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Chiều dài đường dây 22, L=140,0m; đường dây 0,4KVA, L=1.438,0; 02 TBA 160KVA	145/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 832/QĐ-UBND ngày 14/4/2023; 997/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	2.500,0	2.370,0	2.370,0			2.370,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
1.16	Nhà văn hóa xã Ia Dok	Xã Ia Dok	Năm 2023	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	53/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 186/NQ-HĐND ngày 25/4/2023; 2682/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 1846/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	3.740,0	900,0			900,0	900,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Bổ sung kế hoạch trung hạn, lồng ghép vốn XDCB
1.17	Dự án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính	Huyện Đức Cơ	Năm 2023-2025	Huyện Đức Cơ	144/NQ-HĐND ngày 20/9/2022	2.032,0	2.032,0	400,0	400,0		0,0	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
1.18	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện							1.339,0	1.339,0		0,0		
III	Tiền sử dụng đất cấp xã đầu tư					21.600,0	72.000,0	21.600,0	11.448,0	0,0	10.152,0		
1	Giao kế hoạch năm 2023					15.120,0		15.120,0	4.968,0		10.152,0		
2	Phân bổ sau					6.480,0		6.480,0	6.480,0		0,0		

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện).

Kết dư nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2021-2025		Đã giao đến 15/10/2023		Vốn đối ứng bổ sung	Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
						Vốn CTMT	Vốn NS huyện	Vốn CTMT	Vốn NS huyện				
	Tổng cộng				12.000,0	8.600,0	2.850,0	8.600,0	2.400,0	450,0	557,532		
1	Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Nan (đoạn từ trung tâm xã đi quốc lộ 14C)	Xã Ia Pnôn, Ia Nan	Năm 2022-2023	2261a/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	9.000,0	6.150,0	2.553,0	6.150,0	2.400,0	153,000	153,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
2	Đường liên xã Ia Din - Ia Lang (từ làng Yít Rông xã Ia Din đến làng Phang xã Ia Lang)	Xã Ia Din, Ia Lang	Năm 2023-2024	1500/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	3.000,0	2.450,0	297,0	2.450,0		297,000	297,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
3	Chuẩn bị đầu tư dự án năm 2024										107,532	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	(*)

Ghi chú: (*) Chuẩn bị đầu tư Dự án Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Nguồn vốn tiền sử dụng đất

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện).

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư năm 2023 (nguồn thu từ tiền SDD)	Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh	Trích nộp về tỉnh 10% để thực hiện dự án do đặc	Chi giải phóng mặt bằng	Trích nộp 30% vào quỹ phát triển đất của tỉnh	Điều tiết về cấp huyện 20%	Tiền sử dụng đất dành cho đầu tư	Trong đó	
										Kế hoạch năm 2023	Vốn chờ phân bổ sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13
	TỔNG SỐ	211.600,0	95.600,0	54.900,0	5.130,0	-	-	2.538,0	49.770,0	49.770,0	0,0
I	Tiền sử dụng đất tỉnh để lại	3.600,0	3.600,0	3.600,0					3.600,0		
II	Tiền sử dụng đất huyện đầu tư	136.000,0	62.000,0	37.200,0	3.720,0	-			36.018,0	39.618,0	
III	Tiền sử dụng đất phân cấp xã đầu tư	72.000,0	30.000,0	14.100,0	1.410,0		-	2.538,0	10.152,0	10.152,0	0,0
1	Xã Ia Nan	8.500	3.100,0	1.100,0	110,0			198,0	792,0	792,0	
2	Xã Ia Pnôn	2.300	1.000,0	300,0	30,0			54,0	216,0	216,0	
3	Xã Ia Dom	5.500	1.000,0	1.000,0	100,0			180,0	720,0	720,0	
4	Xã Ia Kriêng	15.500	8.000,0	8.000,0	800,0			1.440,0	5.760,0	5.760,0	
5	Xã Ia Krêl	23.000	10.000,0	1.000,0	100,0			180,0	720,0	720,0	
6	Xã Ia Din	5.500	5.400,0	1.800,0	180,0			324,0	1.296,0	1.296,0	
7	Xã Ia Dok	10.550	1.000,0	400,0	40,0			72,0	288,0	288,0	
8	Xã Ia Kla	1.000	500,0	500,0	50,0			90,0	360,0	360,0	
9	Xã Ia Lang	150	-	-	-			-	-		